CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ VIỆT
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ VIỆT
DN: c=VN, st=Hà Nội, l=Quận Ba Đình, cn=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ VIỆT, cn=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ VIỆT, 0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0106065776
Date: 2025.07.28 20:11:53 +07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ VIỆT

TRI VIET ASSET MANAGEMENT CORPORATION JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC, SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE STATE SECURITIES COMMISSION'S PORTAL AND STOCK EXCHANGE'S PORTAL

M.S.D.N: 01060657... CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ TÀI TRÍ VIỆ... Q. BA ĐÌNH

Kính gửi/To:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Ha Noi Stock Exchange*

Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản Trí Việt

Tri Viet Asset Management Corporation Joint Stock Company

Mã chứng khoán/*Stock Symbol*: TVC

Trụ sở chính/*Address*: Số 142 Đội Cấn, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội/ *No. 142 Doi Can, Ngoc Ha Ward, Hanoi City*

Điện thoại/*Telephone*: 024. 3772 4999 Fax: 024. 6273 2058

Người thực hiện công bố thông tin/ *Person in charge of information disclosure*: **Bà Nguyễn Thị Hằng/ *Ms Nguyen Thi Hang***

Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☑ định kỳ

Information disclosure type: ☐ *24 hours* ☐ *72 hours* ☐ *irregular* ☐ *on demand* ☑ *periodic*

Nội dung thông tin công bố/ Content of information disclosure:

- Báo cáo tài chính riêng quý II/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản Trí Việt/ *The separate financial statement for the second quarter of 2025 of Tri Viet Asset Management Corporation Joint Stock Company.*
- Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN quý II/2025 trong Báo cáo tài chính riêng so với cùng kỳ năm ngoái/ *The explanation on the change of the profit after corporate tax between the separate financial statement for in the second quarter of 2025 and the previous period.*

Thông tin này được công bố trên trang điện tử Công ty vào ngày ...../07/2025 tại đường dẫn http://tcorp.vn/danh-muc-qhcd/bao-cao-tai-chinh/./*This information is disclosed on company website on July ..... 2025 at http://tcorp.vn/danh-muc-qhcd/bao-cao-tai-chinh/.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./ *We hereby declare to be responsible for the accuracy and completeness of the above information.*

Đại diện tổ chức/Organization Representative

M.S.D.N: 0100806577 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ VIỆT
Q. BA ĐÌNH - T.P HÀ NỘI

Nguyen Thi Hang

Mẫu số 01-B

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ VIỆT

TRI VIET ASSET MANAGEMENT CORPORATION JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 28. tháng 07 năm 2025

Ha Noi, July 28., 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE THE FINANCIAL STATEMENT

Kính gửi/*To*: - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange*

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản Trí Việt thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính quý II/2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau/ *According to clause 3 Article 14 the Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16th, 2020 of the Ministry of Finance providing guidelines the information disclosure on the securities market, Tri Viet Asset Management Corporation Joint Stock Company discloses the financial statement for the second quarter of 2025 to Hanoi Stock Exchange:*

1. Tên tổ chức/*Organization name*:

- Mã chứng khoán/*Stock symbol*: TVC
- Địa chỉ/*Address*: Số 142 Đội Cấn, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội/ *No. 142 Doi Can, Ngoc Ha Ward, Hanoi City.*
- Điện thoại liên hệ/*Telephone*: 024.3772 4999 Fax: 024.6273 2058
- Email: Contact@tcorp.vn Website: http://tcorp.vn/

2. Nội dung thông tin công bố/*Content of information disclosure*:

- BCTC quý II/năm 2025/*The financial statement for the second quarter of 2025*:

☑ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc)/*The separate financial statement (The registered company have no the subsidiary and the superior accounting unit that has affiliated units)*;

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con)/*The consolidated financial statement (The registered company have subsidiaries)*;

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)/ *The general financial statement (The registered company have affiliated units having separate accounting parts)*.

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân/*Cases require an explanation of the reasons*:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán)/*The auditing organization gives an opinion that is not unqualified opinion with the financial statement (the audited financial statement)*:

☐ Có/*Yes* ☐ Không/*No*

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/*Explanatory document in case of ticking "Yes"*:

☐ Có/*Yes* ☐ Không/*No*

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024)/*In the reporting period, profit after tax is difference of more 5% between before and after auditing, shifting from a loss to a profit or vice versa (The financial statement in 2024)*:

☐ Có/*Yes* ☐ Không/*No*

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/*Explanatory document in case of ticking "Yes"*:

☑ Có/*Yes* ☐ Không/*No*

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước/*In the reporting period of the business result report, the profit after corporate tax is difference of more 10% from the last year report*:

☑ Có/*Yes* ☐ Không/*No*

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/*Explanatory document in case of ticking "Yes"*:

☐ Có/*Yes* ☐ Không/*No*

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại/*In the reporting period, profit after tax is loss, shifts from profit of the pervious year report to loss on this period or vice versa*:

☐ Có/*Yes* ☐ Không/*No*

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/*Explanatory document in case of ticking "Yes"*:

☐ Có/*Yes* ☐ Không/*No*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: ...../07/2025 tại đường dẫn/ This information is disclosed on the company website on July ..... 2025 at: http://tcorp.vn/danh-muc-qhcd/bao-cao-tai-chinh/

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2025/*Report on transactions having from more than 35% value of total assets in 2025.*

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau/*In case the registered company having transaction is required to report full contents*:

- Nội dung giao dịch/*Content of transactions*: **Không có/*None***

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (*căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất*)/*Transaction value ratio/total asset value of the enterprise (%) (Based on the last the yearly financial statement)*: **Không có/*None***
- Ngày hoàn thành giao dịch/*Date completing transactions*: **Không có/*None***

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố/ *We hereby declare to be responsible for the accuracy and completeness of the above information.*

Tài liệu đính kèm/Attached files:

- *BCTC riêng quý II/2025/ The separate financial statement for the second quarter of 2025;*
- *Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế quý II/2025 trong Báo cáo tài chính riêng so với cùng kỳ năm ngoái/Explain the change of profit after tax on the separate financial statement between the second quarter of 2025 and the previous year.*

Đại diện tổ chức/Organization Representative

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ VIỆT

Nguyen Thi Hang

Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt/ ***Tri Viet Asset Management Corporation Joint Stock Company***

Địa chỉ/*Address*: Số 142 Đội Cấn, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội/ *No. 142 Doi Can, Ngoc Ha Ward, Hanoi City.*

Số: 69./2025/CV-TVC

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2025

Ha Noi, day 29 month 07 year 2025

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN của BCTC riêng Quý II năm 2025 so với cùng kỳ năm trước

Re: Explanation of Changes in Net Profit After Corporate Income Tax In The Separate Financial Statements for Quarter II of 2025 Compared to the Same Period Last Year

Kính gửi/To:- Ủy ban chứng khoán Nhà nước/*The State Securities Commission*

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội/*Ha Noi Stock Exchange*

Tên Công ty/*Company Name*: **Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản Trí Việt/** ***Tri Viet Asset Management Corporation Joint Stock Company***

Trụ sở chính/*Address*: Số 142 Đội Cấn, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội/ *No. 142 Doi Can, Ngoc Ha Ward, Hanoi City.*

Điện thoại/ *Telephone*: 024.3722.4999 Fax: 024.6273.2058

Thực hiện thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt xin giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính của Công ty mẹ Quý II năm 2025 so cùng kỳ năm trước cụ thể như sau:

In compliance with Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, issued by the Ministry of Finance on guidelines for information disclosure in the securities market, Trí Việt Asset Management Corporation Joint Stock Company hereby provides an explanation regarding the net profit after corporate income tax in the Separate financial statements for Quarter II of 2025 compared to the same period last year, as follows

Đơn vị tính/Unit: VND

Chỉ tiêu/ Items	Quý II Năm 2025/ Quarter II of 2025	Quý II Năm 2024/ Quarter II of 2024	Chênh lệch/ Difference	Biến động/ Movement %
1	2	3	4 = (2-3)	5 =(4/3)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ *Revenue from Sales of Goods and Provision of Services*				
Giá vốn hàng bán/ *Cost of Goods Sold*				
Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác/ *Financial Operating Revenue and Other Income*	68.487.066.008	95.674.289.517	-27.187.223.509	-28%
Chi phí tài chính, Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp và Chi phí khác/ *Financial Expenses, Selling Expenses, Administrative Expenses, and Other Expenses*	29.045.266.300	25.406.020.735	3.639.245.565	14%
Lợi nhuận sau thuế/ *Profit after tax*	**39.441.799.708**	**70.268.268.782**	**-30.826.469.074**	**-44%**

Quý II năm 2025 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là 39,4 tỷ đồng, giảm 30,8 tỷ đồng, tương đương giảm 44% so với cùng kỳ năm 2024. Công ty giải trình nguyên nhân giảm Lợi nhuận sau thuế như sau:

In Q2 2025, the after-tax profit was 39.4 billion VND, a decrease of 30.8 billion VND, equivalent to a decrease 44% compared to the same period in 2024. The company explained the reasons for the decline in after-tax profit as follows:

Trong Quý II năm 2025, công ty ghi nhận giảm 27,2 tỷ đồng trong doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác, chủ yếu do tác động tiêu cực từ sự bất ổn trên thị trường chứng khoán liên quan đến các chính sách thuế quan phức tạp.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt/ ***Tri Viet Asset Management Corporation Joint Stock Company***
Địa chỉ/*Address*: Số 142 Đội Cấn, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội/ *No. 142 Doi Can, Ngoc Ha Ward, Hanoi City.*

In the second quarter of 2025, the company recorded a decrease of VND 27.2 billion in financial income and other income, mainly due to the negative impact of instability in the stock market related to complex tariff policies.

Trên đây là giải trình biến động lợi nhuận của báo cáo tài chính của công ty mẹ Quý II năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024 của Công ty chúng tôi.

The above is our explanation of the fluctuations in net profit on the Separate financial statements for Quarter II of 2025 compared to the same period in 2024 of our Company.

Trân trọng/*Best regards*!

Nơi nhận/Receipents:
- Như trên/ As above;
- Lưu VPHĐQT/ Archived the board office.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN
QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ VIỆT
Tri Viet Asset Management
Corporation Joint Stock Company

M.S.D.N: 0106065774 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ VIỆT Q. BA ĐÌNH - T.P HÀ NỘI

CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Thị Hằng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

QUÝ II NĂM 2025

Tháng 07 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	2-3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	5-6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	7-27

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30/06/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**895.012.570.133**	**1.111.179.474.544**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**621.669.367.910**	**17.050.016.047**
Tiền	111		267.669.367.910	17.050.016.047
Các khoản tương đương tiền	112		354.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**6.108.009.000**	**779.653.278.257**
Chứng khoán kinh doanh	121	12	8.461.603.210	785.958.483.592
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.353.594.210)	(6.305.205.335)
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**263.189.024.597**	**309.712.042.124**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	11.890.000.000	45.370.925.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	307.048.218	518.862.713
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	144.109.904.109	157.500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	277.271.872.270	276.712.054.411
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(170.389.800.000)	(170.389.800.000)
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**4.046.168.626**	**4.764.138.116**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6	156.455.118	13.395.602
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	3.889.713.508	4.750.742.514
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**723.996.527.027**	**689.811.094.385**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**147.500.000**	**78.750.000**
Phải thu dài hạn khác	216		147.500.000	78.750.000
Tài sản cố định	**220**		**1.116.018.882**	**1.438.625.874**
Tài sản cố định hữu hình	221	7	1.116.018.882	1.438.625.874
- Nguyên giá	222		4.516.497.909	4.516.497.909
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(3.400.479.027)*	*(3.077.872.035)*
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**722.693.045.828**	**688.167.360.594**
Đầu tư vào công ty con	251	13	722.693.045.828	688.167.360.594
Tài sản dài hạn khác	**260**		**39.962.317**	**126.357.917**
Chi phí trả trước dài hạn	261	6	39.962.317	126.357.917
TỔNG TÀI SẢN	**270**		**1.619.009.097.160**	**1.800.990.568.929**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**63.251.931.962**	**227.734.794.565**
Nợ ngắn hạn	**310**		**63.251.931.962**	**227.734.794.565**
Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	-	-
Phải trả người lao động	314		576.369.543	1.195.893.127
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	38.455.058.755	39.074.118.126
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	753.830.296	737.761.296
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	-	163.260.348.648
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		23.466.673.368	23.466.673.368
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**1.555.757.165.198**	**1.573.255.774.364**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**18**	**1.555.757.165.198**	**1.573.255.774.364**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.106.106.700.000	1.186.106.700.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		49.193.890.355	52.437.300.000
Cổ phiếu quỹ	415		-	(56.115.046.965)
Quỹ đầu tư phát triển	418		23.716.973.549	23.716.973.549
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		23.522.719.055	23.522.719.055
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		353.216.882.239	343.587.128.725
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		343.587.128.725	*56.158.016.538*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*9.629.753.514*	*287.429.112.187*
TỔNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.619.009.097.160**	**1.800.990.568.929**

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Nguyễn Anh Đức	Hoàng Văn Quân	Nguyễn Thị Hằng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Quý II năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm 2025 VND	Năm 2024 VND	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		-	-	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	**11**		-	-	-	-
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		-	-	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	68.487.066.008	95.673.791.667	74.265.074.301	161.738.886.539
Chi phí tài chính	22	20	22.488.325.689	8.420.432.079	51.601.508.866	(37.362.250.801)
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*5.180.816.988*	*10.545.221.084*	11.618.949.366	14.863.485.090
Chi phí bán hàng	25	22.a	39.230.000	-	85.990.839	11.750.000.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22.b	6.143.997.004	16.967.569.094	12.269.906.775	10.030.757.469
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**39.815.513.315**	**70.285.790.494**	**10.307.667.821**	**177.320.379.871**
Thu nhập khác	31	23	-	497.850	-	623.450
Chi phí khác	32	24	373.713.607	18.019.562	677.914.307	18.019.562
Lợi nhuận khác	**40**		**(373.713.607)**	**(17.521.712)**	**(677.914.307)**	**(17.396.112)**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**39.441.799.708**	**70.268.268.782**	**9.629.753.514**	**177.302.983.759**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**39.441.799.708**	**70.268.268.782**	**9.629.753.514**	**177.302.983.759**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**		357	592	87	1.495

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Nguyễn Anh Đức	Hoàng Văn Quân	Nguyễn Thị Hằng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II năm/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	**01**		**9.629.753.514**	**177.302.983.759**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		322.606.992	322.606.992
Các khoản dự phòng	03		(3.951.611.125)	(70.862.686.117)
(Lãi)/Lỗ hoạt động đầu tư	05		(2.523.693.467)	7.369.070.795
Chi phí lãi vay	06		11.618.949.366	14.863.485.090
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		***15.096.005.280***	***128.995.460.519***
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		58.983.334.412	(17.467.033.410)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		1.222.513.955	(2.885.911.911)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(56.663.916)	(516.803.968)
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh	13		777.496.880.382	351.475.329.119
Tiền lãi vay đã trả	14		(12.185.445.401)	(15.599.803.503)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(57.808.448.528)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		***782.748.176.184***	***444.001.236.846***
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(144.109.904.109)	(221.847.596.242)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		157.500.000.000	169.847.596.242
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(34.525.685.234)	(59.188.872.436)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận	27		6.267.113.670	10.742.530.839
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(14.868.475.673)***	***(100.446.341.597)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG(TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		875.345.081.887	1.741.264.119.318
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.038.605.430.535)	(1.886.631.889.596)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(163.260.348.648)***	***(145.367.770.278)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**604.619.351.863**	**198.187.124.971**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**5**	**17.050.016.047**	**93.324.812.641**
Tiền và tương đương tiền cuối năn	**70**	**5**	**621.669.367.910**	**291.511.937.612**

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Nguyễn Anh Đức	Hoàng Văn Quân	Nguyễn Thị Hằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt (gọi tắt "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106065776 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/12/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 04/02/2025.

Tên giao dịch quốc tế của Công ty là Tri Viet Asset Management Corporation Joint stock Company. Tên viết tắt của Công ty là Tập đoàn Trí Việt.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 25 ngày 04/02/2025 là 1.106.106.700.000 đồng tương ứng với 110.610.670 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội với mã cổ phiếu là TVC.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2025 là: 16 người (tại ngày 01/01/2025 là 14 người).

Trụ sở chính của Công ty tại số 142 Đội cấn, Phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội, Việt Nam

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty hoạt động trong lĩnh vực đầu tư tài chính.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Các hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa phân vào đâu, tư vấn đầu tư;
- Đại lý môi giới đấu giá;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Dịch vụ thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng các dự án nhà ở, văn phòng, khách sạn, trung tâm thương mại, siêu thị, khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu giải trí cao cấp, sân golf, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng theo năm tài chính dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có khoản đầu tư vào Công ty con sau:

STT	Tên	Địa chỉ	Đăng ký kinh doanh
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	Số 142 phố Đội Cấn, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội	Hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán, ước tính kế toán, tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, đảm bảo khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính.

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025 là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán và báo cáo kết quả kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ quý II/2024 hoàn toàn có thể so sánh được

2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho kỳ báo cáo quý II kết thúc ngày 30/06/2025.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

Báo cáo tài chính riêng được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được lập theo - các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và Thông tư 53/2016/TT BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 ("Thông tư 53").

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này.

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 CÁC ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Quản lý phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Chứng khoán kinh doanh

Phản ánh giá trị các khoản chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu) và các công cụ tài chính khác (chứng chỉ quỹ, quyền mua cổ phần, chứng quyền, quyền chọn mua, quyền chọn bán, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi, thương phiếu, hối phiếu...) nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh, bao gồm giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cổ tức của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Cổ tức được chia cho giai đoạn sau ngày chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, riêng cổ tức nhận được bằng cổ phiếu do công ty cổ phần sử dụng thặng dư vốn cổ phần, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sạu thuế chưa phân phối để phát hành thêm cổ phiếu (chia cổ tức bằng cổ phiếu), Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và giá trị khoản đầu tư vào công ty cổ phần

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc (giá trị ghi sổ) và giá trị thị trường của các loại chứng khcán doanh nghiệp đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh được trích lập phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh (tính theo từng loại chứng khoán), giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đầu tư vào công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền kiểm soát, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư (công ty con) nhằm thu

được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó hoặc Công ty nắm giữ ít hơn 50% quyền biểu quyết nhưng có thỏa thuận khác:

- Các nhà đầu tư khác thỏa thuận dành cho Công ty hơn 50% quyền biểu quyết;
- Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thỏa thuận;
- Công ty có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương;
- Công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản vốn góp cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng... Trường hợp đầu tư bằng tài sản phí tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận, riêng đối với cổ tức nhận được bằng cổ phiếu, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và phần sở hữu của Công ty trong vốn chủ sở hữu thực có tại bên nhận đầu tư (công ty con), phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo yêu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu của khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu từ các hợp đồng hợp tác đầu tư; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc

Các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh.

4.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh bao gồm tiền sửa chữa văn phòng, giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trong đó:

- Tiền sửa chữa văn phòng được Công ty phân bổ trong thời gian không quá 03 năm;
- Giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng được Công ty được phân bổ trong thời gian không quá 03 năm (dài hạn) và không quá 1 năm (ngắn hạn);

Công ty căn cứ vào thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản	*Thời gian khấu hao (năm)*
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	07

4.8 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.9 GHI NHẬN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay và nợ thuê tài chính của Công ty bao gồm các khoản đi vay và vay vốn theo phương thức phát hành trái phiếu thường ngang giá (phát hành trái phiếu với giá đúng bằng mệnh giá của trái phiếu).

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phi đi vay.

Trong năm 2025, toàn bộ chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

4.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu
Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu và được cơ quan quản lý chấp thuận

Vốn khác của chủ sở hữu
Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

4.12 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ

tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, được UBCK chấp thuận và danh sách cổ đông nhận cổ tức được chốt chính thức

4.13 DOANH THU VÀ THU NHẬP KHÁC

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi bán chứng khoán kinh doanh, lãi từ các hợp đồng hợp tác đầu tư và đặt cọc mua cổ phiếu OTC, tiền cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi trái phiếu, lãi chuyển nhượng cổ phần và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác, cụ thể như sau:

- Lãi tiền gửi ngân hàng được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế được quy định trong từng Hợp đồng tiền gửi;

- Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận từng ngày và theo từng sàn giao dịch chứng khoán là số chênh lệch giữa tổng giá trị chứng khoán bán ra trong ngày cao hơn giá vốn tương ứng; trong đó giá vốn là giá trị ghi sổ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, giá bán là giá khớp lệnh trong giao dịch đặt lệnh bán chứng khoán.
- Lãi từ các hợp đồng hợp tác đầu tư, hợp đồng đặt cọc mua cổ phiếu OTC được xác định trên cơ sở lãi suất cố định trong từng hợp đồng và thời gian hợp tác đầu tư/ đặt cọc. Các khoản lãi này có thể thay đổi khi hai bên có thỏa thuận khác.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo chốt quyền của bên chia cổ tức, lợi nhuận.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.14 GHI NHẬN GIÁ VỐN

Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

4.15 THUẾ

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
- Tiền mặt	1.300.000.000	-
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	266.369.367.910	17.050.016.047
- Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền (*)	354.000.000.000	-
	621.669.367.910	**17.050.016.047**

(*) Đây là khoản tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kỳ hạn 1 tháng, trả lãi cuối kỳ với lãi suất theo quy định của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	**156.455.118**	**13.395.602**
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	140.574.759	4.387.882
- Chi trả trước		
- Chi trả khác	15.880.359	9.007.720
b) Dài hạn	**39.962.317**	**126.357.917**
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.742.430	57.409.512
- Chi phí trả trước		-
- Chi phí khác	37.219.887	68.948.405
	196.417.435	**139.753.519**

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2025	**4.440.152.455**	**76.345.454**	**4.516.497.909**
30/06/2025	**4.440.152.455**	**76.345.454**	**4.516.497.909**
HAO MÒN LŨY KẾ			
01/01/2025	**(3.046.970.319)**	**(30.901.716)**	**(3.077.872.035)**
- Khấu hao trong năm	(317.153.748)	(5.453.244)	(322.606.992)
30/06/2025	**(3.364.124.067)**	**(36.354.960)**	**(3.400.479.027)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2025	**1.393.182.136**	**45.443.738**	**1.438.625.874**
30/06/2025	**1.076.028.388**	**39.990.494**	**1.116.018.882**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	**11.890.000.000**	-	**45.370.925.000**	-
- Phải thu tiền bán chứng khoán chờ về	11.890.000.000	-	45.370.925.000	-
	11.890.000.000	-	**45.370.925.000**	-

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	144.109.904.109	-	**157.500.000.000**	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**144.109.904.109**	-	**157.500.000.000**	-

Các khoản cho vay theo hợp đồng vay vốn giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý tài sản Trí Việt với các bên đi vay, thời hạn vay 06 tháng kể từ thời điểm giải ngân, tài sản đảm bảo là cổ phiếu niêm yết thuộc sở hữu của bên thứ ba. Các cổ phiếu này đã được phong tỏa tại Công ty chứng khoán để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

10. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	307.048.218	-	518.862.713	-
	307.048.218	-	**518.862.713**	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	**277.271.872.270**	**(170.389.800.000)**	**276.712.054.411**	**(170.389.800.000)**
- Tạm ứng	12.025.363.009	-	11.792.812.345	-
- Phải thu của các Hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	256.859.000.000	(170.389.800.000)	256.859.000.000	(170.389.800.000)
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Rồng Việt	*63.920.000.000*	*(48.244.000.000)*	*63.920.000.000*	*(48.244.000.000)*
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Gió Mới	*120.369.000.000*	*(87.145.800.000)*	*120.369.000.000*	*(87.145.800.000)*
+ Công ty Cổ phần Tcapital	*46.170.000.000*	*(35.000.000.000)*	*46.170.000.000*	*(35.000.000.000)*
+ Khác	*26.400.000.000*	-	*26.400.000.000*	-
- Lãi dự thu từ Hợp đồng hợp tác đầu tư	412.641.066	-	412.641.066	-
- Lãi dự thu từ Hợp đồng cho vay	292.268.195			
- Ký cược, ký quỹ	250.000	-	250.000	
- Phải thu khác	7.682.350.000		7.647.351.000	
b) Dài hạn	**147.500.000**	-	**78.750.000**	-
- Ký cược, ký quỹ	147.500.000	-	78.750.000	-
	277.419.372.270	**(170.389.800.000)**	**276.790.804.411**	**(170.389.800.000)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	30/06/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị cổ phiếu	**8.461.603.210**	**6.108.009.000**	**(2.353.594.210)**	**785.958.483.592**	**793.000.139.000**	**(6.305.205.335)**
+ DGW	-	-	-	23.776.143.125	21.989.400.000	(1.786.743.125)
+ SSI				721.800.000	3.760.578.000	
+ HPG			-	7.136.935.296	7.376.720.000	
+ MWG			-	745.862.001.961	755.930.300.000	
+ TDH	8.300.794.495	6.014.848.000	(2.285.946.495)	8.300.794.495	3.839.836.000	(4.460.958.495)
+ Khác	160.808.715	93.161.000	(67.647.715)	160.808.715	103.305.000	(57.503.715)
Cộng	**8.461.603.210**	**6.108.009.000**	**(2.353.594.210)**	**785.958.483.592**	**793.000.139.000**	**(6.305.205.335)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	30/06/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	**722.693.045.828**	-	**722.693.045.828**	**688.167.360.594**	-	**688.167.360.594**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	722.693.045.828		722.693.045.828	688.167.360.594	-	688.167.360.594
	722.693.045.828	-	**722.693.045.828**	**688.167.360.594**	-	**688.167.360.594**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	tỷ lệ sở	Giá gốc	tỷ lệ sở
	VND	hữu	VND	hữu
Đầu tư vào công ty con				
Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	*722.693.045.828*	68,39%	*688.167.360.594*	64,04%
	722.693.045.828	**68,39%**	**688.167.360.594**	**64,04%**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	**38.455.058.755**	**39.074.118.126**
- Chi phí lãi vay	-	566.496.035
- Chi phí phải trả hoạt động tài chính	38.437.169.755	38.437.169.755
- Chi phí khác	17.889.000	70.452.336
	38.455.058.755	**39.074.118.126**

15. PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	**753.830.296**	**737.761.296**
- Kinh phí công đoàn	139.868.406	122.799.406
- Bảo hiểm xã hội	9.536.000	9.536.000
- Bảo hiểm y tế	1.788.000	1.788.000
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.192.000	1.192.000
- Thưởng vượt kế hoạch cho HĐQT năm 2021	177.455.203	177.455.203
- Lãi cổ tức của các cổ đông chưa lưu ký	132.518.920	132.518.920
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	291.471.767	292.471.767
	753.830.296	**737.761.296**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. THUẾ

Thuế và các khoản phải nộp	30/06/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2025
	VND	VND	VND	VND
- Thuế thu nhập cá nhân	-	283.144.002	283.144.002	-
- Các loại thuế khác	-		-	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	-	**286.144.002**	**286.144.002**	-

Thuế và các khoản phải thu	30/06/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp	01/01/2025
	VND	VND	VND	VND
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.981.977.551	-	-	1.981.977.551
- Thuế thu nhập cá nhân	1.907.735.957	2.391.474.489	1.530.445.483	2.768.764.963
	3.889.713.508	**2.391.474.489**	**1.530.445.483**	**4.750.742.514**

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	30/06/2025		Trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	875.345.081.887	1.038.605.430.535	163.260.348.648	163.260.348.648
Vay margin tại các công ty chứng khoán	-	-	875.345.081.887	1.038.605.430.535	163.260.348.648	163.260.348.648
	-	-	875.345.081.887	1.038.605.430.535	163.260.348.648	163.260.348.648

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 BIẾN ĐỘNG TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	1.186.106.700.000	52.437.300.000	23.716.973.549	23.522.719.055	56.158.016.538	1.341.941.709.142
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	177.302.983.759	177.302.983.759
- Trích lập các quỹ	-	-				-
30/06/2024	1.186.106.700.000	52.437.300.000	23.716.973.549	23.522.719.055	233.461.000.297	1.519.244.692.901
01/01/2025	1.186.106.700.000	52.437.300.000	23.716.973.549	23.522.719.055	343.587.128.725	1.629.370.821.329
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	9.629.753.514	9.629.753.514
- Giảm khác	(80.000.000.000)	(3.243.409.645)	-	-		(83.243.409.645)
30/06/2025	1.106.106.700.000	49.193.890.355	23.716.973.549	23.522.719.055	353.216.882.239	1.555.757.165.198

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty TNHH MTV Tùng Trí Việt	160.214.630.000	160.214.630.000
Ông Phạm Thanh Tùng	83.901.340.000	83.901.340.000
Các cổ đông khác	861.990.730.000	941.990.730.000
	1.106.106.700.000	**1.186.106.700.000**

18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI, CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	1.186.106.700.000	1.186.106.700.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	80.000.000.000	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.106.106.700.000	1.186.106.700.000
- **Lợi nhuận đã trả**	-	-

18.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2025 CP	01/01/2025 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	118.610.670	118.610.670
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	118.610.670	118.610.670
+ Cổ phiếu phổ thông	*118.610.670*	*118.610.670*
Số lượng cổ phiếu được mua lại	8.000.000	5.358.900
+ Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	5.358.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	110.610.670	113.251.770
+ Cổ phiếu phổ thông	*110.610.670*	*113.251.770*
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	*10.000*	*10.000*

18.5 CÁC QUỸ

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	23.716.973.549	23.716.973.549
	23.716.973.549	**23.716.973.549**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	23.522.719.055	23.522.719.055
	23.522.719.055	**23.522.719.055**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý II năm 2025 VND	Quý II năm 2024 VND
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1.790.928.616	69.710.891
- Lãi mua, bán chứng khoán kinh doanh	64.071.540.286	84.933.365.023
- Cổ tức lợi nhuận được chia	-	10.632.250.000
- Lãi cho vay	2.624.597.106	38.465.753
- Lãi hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán		
	68.487.066.008	**95.673.791.667**

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý II năm 2025 VND	Quý II năm 2024 VND
- Lãi tiền vay	5.180.816.988	10.545.221.084
- Lỗ chứng khoán kinh doanh	15.415.676.446	9.648.308.439
- Trích lập /(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư vào Công ty khác	-	(14.535.623.970)
- Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	761.743.772
- Chi phí tài chính khác	1.891.832.255	2.000.782.754
	22.488.325.689	**8.420.432.079**

21. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ

	Quý II năm 2025 VND	Quý II năm 2024 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	63.456.423	11.606.536
- Chi phí nhân công	4.620.828.079	15.048.097.079
- Chi phí khấu hao TSCĐ	161.303.496	161.303.496
- Thuế, phí và lệ phí	89.668.236	142.665.966
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.226.036.553	1.532.038.392
- Chi phí bằng tiền khác	21.934.217	71.857.625
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-
	6.183.227.004	**16.967.569.094**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý II năm 2025 VND	Quý II năm 2024 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng	***39.230.000***	-
- Chi phí nhân viên quản lý	39.230.000	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác		-
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	***6.143.997.004***	***16.967.569.094***
- Chi phí nhân viên quản lý	4.581.598.079	15.048.097.079
- Chi phí nguyên vật liệu quản lý	63.456.423	11.606.536
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	161.303.496	161.303.496
- Thuế, phí và lệ phí	89.668.236	142.665.966
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.226.036.553	1.532.038.392
- Chi phí bằng tiền khác	21.934.217	71.857.625
	6.183.227.004	**16.967.569.094**

23. THU NHẬP KHÁC

	Quý II năm 2025 VND	Quý II năm 2024 VND
- Các khoản khác	-	497.850
	-	**497.850**

24. CHI PHÍ KHÁC

	Quý II năm 2025 VND	Quý II năm 2024 VND
- Chi phí khác	373.713.607	18.019.562
	373.713.607	**18.019.562**

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý II năm 2025 VND	Quý II năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**9.629.753.514**	**177.302.983.759**
- Các khoản chi phí không được trừ	677.914.307	18.019.562
- Thù lao của HĐQT không tham gia điều hành	88.888.880	166.666.664
Các khoản điều chỉnh giảm	-	**(266.200.985.265)**
- Thu nhập không chịu thuế (cổ tức bằng tiền mặt)	-	(10.632.250.000)
Lỗ năm trước chuyển sang	**(13.152.369.832)**	**(255.568.735.265)**
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	**(2.755.813.131)**	**(88.713.315.280)**
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

26. CHUYỂN LỖ

Năm phát sinh	Chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 30/06/2025	Lỗ chưa kết chuyển
2022	2027	(532.979.978.607)	(530.224.165.476)	(2.755.813.131)
Tổng			**(530.224.165.476)**	**(2.755.813.131)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. BÊN LIÊN QUAN

27.1 Danh sách các bên liên quan

STT	Tên Công ty, Cá nhân	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	Công ty con
2	Công ty TNHH MTV Tùng Trí Việt	Cổ đông lớn
3	Ông Phạm Thanh Tùng	Cổ đông lớn

27.2 Giao dịch với bên liên quan

Tiền gửi giao dịch chứng khoán	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	8.965.564.234	9.122.682.978

Giao dịch với các bên liên quan	Quý II/2025	Quý II/2024
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	**38.261.229**	**136.692.064**
Trong đó có;		
Phí lưu ký	448.285	2.919.447
Phí mua, bán chứng khoán, phí chuyển khoản	7.065.662	119.577.377
Lãi tiền gửi nhà đầu tư	747.282	14.195.240
Hợp đồng đại lý thực hiện mua lại cổ phiếu	30.000.000	
- Tổng giá trị giao dịch mua bán chứng khoán trên tài khoản mở tại Công ty con	61.637.406.000	

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

		Quý II/2025	Quý II/2024
Bà Nguyễn Thị Hằng	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/03/2024)	285.600.000	310.600.000
Ông Ngô Long Giang	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 14/06/2025)		
Ông Ngô Long Giang	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/11/2024, miễn nhiệm ngày 16/01/2025)		
Bà Phan Thị Thu Hà	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 14/06/2025)		
Bà Phạm Thanh Hoa	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15/03/2023), miễn nhiệm ngày 05/06/2024)		22.222.222
Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 15/03/2023, miễn nhiệm ngày 14/06/2025)	22.222.220	49.999.999
Ông Chu Văn Tường	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 08/06/2024, miễn nhiệm ngày 14/06/2025)	22.222.220	5.555.555

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng tự lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2024 đến 30/06/2024 của **Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt.**

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Nguyễn Anh Đức	Hoàng Văn Quân	Nguyễn Thị Hằng